

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án phát triển thủy sản bền vững tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vay vốn WB;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu

tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 3 (nay là Khu đô thị DT-12), Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 07, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8802/SXD-QH ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 414/TTr-SNN&PTNT ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch: Thuộc một phần địa giới hành chính của phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn; ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc và phía Nam giáp mặt nước sông Lạch Bạng;

+ Phía Đông giáp đường giao thông và đất dân cư hiện trạng phường Hải Thanh;

+ Phía Tây giáp đường giao thông (liền kề đất sản xuất công nghiệp và đất dân cư hiện trạng) phường Hải Bình.

- Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 45,39 ha (trong đó: phần đất khoảng 14,09 ha; phần mặt nước khoảng 31,30 ha).

2. Tính chất: Là cảng cá loại I kết hợp khu neo đậu tránh trú bão đáp ứng quy mô năng lực 200 lượt/1.000 CV, sản lượng thủy sản qua cảng khoảng 50.000 tấn/năm trở lên; sức chứa 1.000 tàu cá/1.000 CV tránh trú bão.

3. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đô thị

Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá gồm 03 khu vực:

- Khu A (phần đất thuộc phường Hải Bình), gồm các chức năng chính: Sân cảng, công trình dịch vụ hậu cần nghề cá, ban quản lý cảng, chợ, công trình HTKT và giao thông nội bộ cảng.

- Khu B (phần đất thuộc phường Hải Thanh), gồm các chức năng chính: sân cảng công trình dịch vụ hậu cần nghề cá, công trình nhà làm việc Ban Quản lý, cửa hàng xăng dầu, công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông nội bộ cảng.

- Mặt nước cảng.

Bảng tổng hợp cơ cấu, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đô thị

TT	Hạng mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Tỷ lệ
			(m ²)	(%)	(tầng)	(%)
Tổng diện tích lập quy hoạch			453.920,00			100,00
I	Khu A (phường Hải Bình)		112.209,99			24,72
1	Đất sân cảng		20.994,49		1	4,63
1.1	Đất công trình cảng	<i>CTC</i>	19.729,49			
	Đất công trình cảng 01	<i>CTC-01</i>	19.729,49	60	1	
1.2	Đất cây xăng	<i>XD</i>	1.265,00			
	Đất cây xăng 01	<i>XD-01</i>	1.265,00			
2	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá (*)		31.806,04			7,01
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 01	<i>DVHC-01</i>	3.433,39			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 02	<i>DVHC-02</i>	8.545,44			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 03	<i>DVHC-03</i>	3.954,81			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 04	<i>DVHC-04</i>	4.678,89			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 05	<i>DVHC-05</i>	6.137,92			
	- Đất bãi đỗ xe khu hậu cần nghề cá	<i>P-01</i>	2.620,00			
	- Đất bãi đỗ xe phục vụ khu công nghiệp và khu hậu cần nghề cá	<i>P-02</i>	2.435,60			
3	Đất ban quản lý cảng	BQL	5.037,81		1-3	1,11
	Đất ban quản lý cảng 01	<i>BQL-01</i>	5.037,81	20-40	1-3	
4	Đất chợ (*)	CHO	7.464,00			1,64
	Đất chợ 01	<i>CHO-01</i>	7.464,00			
5	Đất công trình HTKT	HTKT	317,45			0,07
	Đất công trình HTKT 01	<i>HTKT-01</i>	317,45			
6	Đất giao thông		46.590,19			10,26

TT	Hạng mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Tỷ lệ
			(m ²)	(%)	(tầng)	(%)
II	Khu B (phường Hải Thanh)		28.725,90			6,25
1	Đất sân cảng		4.755,36		1	1,05
1.1	Đất công trình cảng	CTC	4.755,36			
	Đất công trình cảng 02	CTC-02	4.755,36	60	1	
2	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá (*)	DVHC	14.282,96			3,15
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 07	DVHC-07	6.395,52			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 08	DVHC-08	1.642,96			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 09	DVHC-09	2.717,34			
	Đất công trình dịch vụ hậu cần nghề cá 10	DVHC-10	3.527,13			
3	Đất công trình nhà làm việc BQL	BQL	368,34		1-3	0,08
	Đất công trình nhà làm việc BQL 02	BQL-02	368,34	60-70	1-3	
4	Đất cây xăng (*)	XD	659,45			0,15
	Đất cây xăng 02	XD-02	659,45			
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	HTKT	363,20		1-2	0,08
	Đất công trình HTKT 02	HTKT-02	256,13			
	Đất công trình HTKT 03	HTKT-03	54,75			
	Đất công trình HTKT 04	HTKT-04	52,32			
6	Đất giao thông		8.296,59			1,83
III	Đất mặt nước		312.984,11			69,03

(*) Các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy hoạch chi tiết, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận (Theo quy định về trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch tại khoản 7 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 “*Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư*”, do đó, tại Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn không phê duyệt các nội dung liên quan các dự án đã được cấp thẩm

quyền giao các chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư xây dựng; Việc thống kê về đất đai đối với các công trình, dự án này trong quy hoạch chi tiết là theo yêu cầu kỹ thuật của chuyên ngành nông nghiệp).

4. Tổ chức không gian, cảnh quan và thiết kế đô thị

4.1. Vùng đất cảng

Hệ thống các hạng mục công trình cảng bố trí dọc hướng Bắc Nam nằm trên phần đất cảng phân khu chức năng căn cứ theo cơ cấu tổ chức không gian nhằm đảm bảo tính hợp lý khoa học trong quá trình vận hành và khai thác, đặc biệt vị trí của cầu cảng cần phải bố trí hợp lý đảm bảo giao thông trên bến dưới thuyền thông suốt.

Hệ thống cây xanh trên sân cảng cần bố trí phân tán và gắn liền với từng khu chức năng cụ thể, diện tích cây xanh bố trí tối thiểu nhằm tận dụng tối đa quỹ đất trong khu vực nghiên cứu, hệ thống cây xanh cách ly đối với các khu chức năng yêu cầu cách ly cần đảm bảo vừa đủ theo tiêu chuẩn. Ngoài khu chức năng quản lý cảng các khu chức năng nghiên cứu có tính chất là khu dịch vụ hậu cần, chế xuất phục vụ cho nhu cầu khai thác và chế biến thủy, hải sản. Do đó hệ thống sân bãi tập kết, sân bãi đỗ xe trong khu vực nghiên cứu cũng cần đảm bảo đầy đủ theo tiêu chuẩn.

4.2. Vùng nước cảng

Nguyên tắc bố trí các khu nước thuộc vùng nước cảng cần đảm bảo tính thuận tiện, tránh chồng chéo giao thông trên mặt nước khi sử dụng các dịch vụ có chức năng khác nhau. Tổ chức giao thông theo một chiều đảm bảo quy trình khép kín tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tàu thuyền ra vào, neo đậu tại cảng, tiết kiệm tối đa thời gian, chi phí vận hành của ngư dân, chủ tàu. Vùng nước cảng gồm:

- Vùng nước trước cầu cảng dùng cho tàu thuyền cập bờ neo đậu bốc dỡ, truyền tải hàng hóa lên bến, xuống tàu;
- Vùng quay tàu được đặt tại khu vực trung tâm giao cắt giữa hai bên cảng phía Hải Thanh và Hải Bình dùng cho tàu thuyền xoay trở với đường kính quay đảm bảo theo quy định.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông

Đối với các tuyến đường nội bộ trong khu vực thiết kế phù hợp, khớp nối với quy hoạch phân khu đồng thời cập nhật các dự án đã được phê duyệt. Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải, liên hệ tốt giữa trong và ngoài khu vực lập quy hoạch.

a) Giao thông đối ngoại

+ Đường D4 và tuyến Bắc Nam 3 tuân thủ theo quy hoạch phân khu đô thị số 12 Khu kinh tế Nghi Sơn.

+ Đường Bắc Nam 3 (mặt cắt 3-3): Lòng đường 14,0 m; vỉa hè 2 x 4,5 m; chỉ giới đường đỏ 23,0 m.

+ Đường D4 (mặt cắt 6-6): Lòng đường 7,5 m; vỉa hè 2 x 5,0 m; chỉ giới đường đỏ 17,5 m.

+ Đường Đỗ Đại (mặt cắt 8-8) quy hoạch phân khu đô thị số 7 Khu kinh tế Nghi Sơn: Lòng đường 7,5 m; vỉa hè 2 x 4,0 m; chỉ giới đường đỏ 15,5 m.

b) Giao thông đối nội

- Khu vực phường Hải Bình:

+ Tuyến QH.01 (Mặt cắt A-A): Lòng đường 12,0 m; vỉa hè (4,0+5,5) m, chỉ giới đường đỏ 21,5 m. Tuyến giáp với khu vực sân và cầu cảng: Cầu cảng 10,0 m và sân cảng 34,2 m.

+ Tuyến QH.02 (Mặt cắt 6-6): Lòng đường 7,5 m, vỉa hè 2 x 5,0 m; chỉ giới đường đỏ 17,5 m.

+ Tuyến QH.03 (Mặt cắt 2-2): Lòng đường 19,0 m, phân cách 4,0 m, chỉ giới đường đỏ 26,0 m.

+ Tuyến QH. 04 (Mặt cắt 1-1): Lòng đường 15,0 m, phân cách 3,0 m, vỉa hè 2 x 6,0 m; chỉ giới đường đỏ 30,0 m.

+ Tuyến QH. 05 (Mặt cắt 7-7): Lòng đường 7,5 m, vỉa hè (4,0+5,0) m; chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

+ Tuyến QH.06 (Mặt cắt 5-5): Lòng đường 10,5 m, vỉa hè 2 x 5,0 m; chỉ giới đường đỏ 20,5 m.

+ Tuyến QH.07 (Mặt cắt 4-4): Lòng đường 10,5 m, vỉa hè 2 x 6,0 m; chỉ giới đường đỏ 22,5 m.

+ Tuyến QH.08 (Mặt cắt 6-6): Lòng đường 7,5 m, vỉa hè 2 x 5,0 m; chỉ giới đường đỏ 17,5 m.

+ Tuyến QH.09 (Mặt cắt 8-8): Lòng đường 7,5 m, vỉa hè 2 x 4,0 m; chỉ giới đường đỏ 15,5 m.

- Khu vực phường Hải Thanh:

+ Tuyến QH.10 có hai đoạn: Đoạn 1 (Mặt cắt B-B), lòng đường 4,5 m, vỉa hè 3,0 m, chỉ giới đường đỏ 7,5 m (Tuyến tiếp giáp với khu vực sân và cầu cảng: Cầu cảng 10,0 m và sân cảng 8,5 m); Đoạn 2 (Mặt cắt B'-B'), lòng đường 8,5 m,

via hè 3,0 m; chỉ giới đường đỏ 11,5 m (Tuyến tiếp giáp với khu vực sân và cầu cảng: Cầu cảng 10,0 m và sân cảng 5,5 m).

+ Tuyến QH.11 (Mặt cắt 10-10): Lòng đường 7,5 m, via hè 4 m; chỉ giới đường đỏ 11,5 m. Tuyến tiếp giáp với khu vực sân và cầu cảng: Cầu cảng 10,0 m và sân cảng 5,5 m.

+ Tuyến QH.12 (Mặt cắt 11-11): Lòng đường 5,5 m, via hè 2x3,0 m; chỉ giới đường đỏ 11,5 m.

5.2. San nền - chuẩn bị kỹ thuật

a) Nguyên tắc thiết kế: Cao độ san nền phải phù hợp với cao độ của Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu đô thị số 12 và quy hoạch phân khu đô thị số 7 khu kinh tế Nghi Sơn. Tham khảo Báo cáo nghiên cứu khả thi tiểu dự án nâng cấp, sửa chữa cảng cá Lạch Bạng, đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng đô thị; thuận lợi cho việc thoát nước mặt thuận lợi và không gây xói lở nền đường nền công trình; không gây ngập úng. Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp, bảo vệ cây lưu niên và lớp đất màu.

b) Nội dung thiết kế:

- Khu vực phường Hải Bình:

+ Cầu cảng: 2.33 m, hướng dốc từ Đông sang Tây.

+ Sân cảng: (2.41 - 2.26) m, hướng dốc từ Tây sang Đông.

- Khu vực phường Hải Thanh:

+ Cầu cảng: 2.15 m, hướng dốc từ Tây sang Đông.

+ Sân cảng: (2.14 - 2.10) m, hướng dốc từ Đông sang Tây.

5.3. Cấp nước

- Nhu cầu dùng nước tối đa của khu vực lập quy hoạch $Q = 720 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ (trong đó nhu cầu nước sinh hoạt và PCCC là $155 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nhu cầu nước tiếp xúc với thủy sản là $565 \text{ m}^3/\text{ngđ}$).

- Nguồn nước được cho cảng được lấy từ hệ thống cấp nước sạch theo quy hoạch khu kinh tế Nghi Sơn:

+ Nguồn nước cấp cho cảng (khu A): Lấy từ nhà máy nước Hao Hao theo quy hoạch.

+ Nguồn nước cấp cho cảng (khu B): Lấy từ nhà máy nước Nguyên Bình theo quy hoạch.

- Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế cấp nước thành 2 hệ thống riêng biệt, trong đó nước cho sinh hoạt và PCCC được cấp trực tiếp và bể nước ngầm qua bơm cấp đến các công trình dùng nước và các trụ chữa cháy ngoài nhà, bố trí các trụ chữa cháy ngoài nhà theo tiêu chuẩn với khoảng cách tối đa là 120m/trụ.

- Nước cấp cho thủy hải sản được xử lý bằng bể lắng khử Clorua qua hệ thống bơm cấp đến các nhà phân loại thủy hải sản và các cầu cảng.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

5.4. Thoát nước mưa

Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Toàn bộ khu vực nghiên cứu có 02 lưu vực thoát nước chính cụ thể như sau:

- Lưu vực 1: Phía Tây sông Lạch Bạng, hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông thoát ra sông Lạch Bạng.

- Lưu vực 2: Phía Đông sông Lạch Bạng, hướng thoát nước chính từ Đông sang Tây thoát ra sông Lạch Bạng.

Toàn bộ mương, giếng thăm, các giếng thu nước mưa bố trí trên vỉa hè chạy bên đường. Khoảng cách giữa 2 giếng thu từ 20 m đến 40 m. Ngoài ra còn bố trí các giếng thăm tại các điểm giao cắt trong mạng lưới thoát nước và các điểm đặc biệt.

5.5. Thoát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải làm tròn: $Q = 486,7 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nước thải được thu gom vào hệ thống cống nhánh, cống chính về bể xử lý nước thải trong khu vực quy hoạch, nước sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thoát về trạm xử lý nước thải của đô thị.

- Nước thải sinh hoạt của khu hậu cần nghề cá được xử lý cục bộ trong từng công trình¹ trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

5.6. Xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Chỉ tiêu xử lý chất thải rắn: 0,9 kg/người/ngđ, với chỉ tiêu thu gom đạt 100%.

- Tổng nhu cầu rác thải: $2.000 * 0,9 = 1800 \text{ kg/ngđ}$.

¹ Theo quy hoạch chi tiết, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

- Rác thải được thu gom tại khu tập kết rác được bao kín đảm bảo cách biệt với khu có thủy sản (theo Điểm 2.3.8 QCVN 02-12:2009/BNNPTNT) sau đó chất thải được thu gom và vận chuyển ra khỏi khu vực cảng cá ít nhất 4 giờ một lần về khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn.

5.7. Cấp điện

- *Khu A*: Nguồn điện cấp cho các công trình xây dựng mới (QH) được lấy nguồn từ trạm biến áp hiện có của cảng công suất 320KVA-35/0,4kV. Xây dựng mới 01 trạm biến áp 100KVA-35(22)/0,4kV cấp điện cho khu chợ. Xây dựng mới tuyến điện trung áp 35 kV đi ngầm cấp nguồn cho TBA khu chợ có chiều dài 195 m. Tuyến điện này được đấu nối từ phía cao thế trạm biến áp 320KVA-35/0,4kV (trạm hiện trạng).

Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ trạm biến áp đi ngầm đất cấp điện đến các công trình, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Chiều dài đường dây 0,4 kV: 830 m.

Điện chiếu sáng: Dùng đèn pha led, công suất 400W-220V lắp trên cột thép bát giác 17 m, đèn led công suất 150W-220V lắp trên cột thép bát giác 11 m cần đơn và đèn pha led 150W-220V gắn trên nhà mái che. Dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC có chiều dài 531 m. Điều khiển hệ thống điện chiếu sáng bằng tủ điều khiển trọn bộ.

- *Khu B*: Nguồn điện cấp cho các công trình xây dựng mới (QH) được lấy nguồn từ trạm biến áp hiện có của cảng công suất 160KVA-35/0,4kV.

Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ trạm biến áp đi ngầm đất cấp điện đến các công trình, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Chiều dài đường dây 0,4 kV: 516 m.

5.8. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu viễn thông: 14 đường dây thuê bao.

- Nguồn cấp thông tin: Từ tuyến cáp quang hiện có của khu vực.

- Mạng lưới thông tin liên lạc: Toàn bộ cáp viễn thông được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm, cáp viễn thông trong khu vực là cáp phối luồn trong ống thép.

- Trạm phát sóng thông tin di động (BTS): Không bố trí mới trạm trong khu vực, sử dụng từ các trạm BTS hiện có lân cận khu vực.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

6.1. Nguồn gây ô nhiễm

- Trong quá trình san lấp, thi công xây dựng gây ảnh hưởng đến môi trường từ các nguồn: bụi đất, khí thải, ô nhiễm tiếng ồn, nước thải,...

- Trong quá trình vận hành dự án, các nguồn gây ô nhiễm có thể đến từ các hoạt động kinh doanh, từ chất thải, nước thải, khí thải,...

6.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Trong quá trình xây dựng: Có phương án thi công, bố trí các máy móc thiết bị làm việc với khoảng cách hợp lý, giảm thiểu tiếng ồn, hạn chế bụi, nước thải và các chất thải rắn làm tác động xấu đến môi trường.

- Trong giai đoạn hoạt động: Thực hiện tuân thủ đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

TT	Các hạng mục công trình
	Xây dựng các hạng mục công trình
A	Cảng cá phía phường Hải Bình
1	Mái che trên cầu tàu
2	Nạo vét khu nước trong bể cảng
3	Nạo vét khu nước kết nối luồng
4	Nâng cấp nhà phân loại
5	Nhà tập kết chất thải rắn
6	Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (300 m ³ /ngđ)
B	Cảng cá phía phường Hải Thanh
1	Bến cập tàu
2	Mái che trên cầu tàu
3	Trạm cấp điện
4	Nâng cấp đường giao thông nội bộ
5	Nâng cấp trạm bơm & bể nước
6	Nhà vệ sinh công cộng
7	Nhà điều hành (220m ² x2,5 tầng)
8	Xây dựng hạ tầng
9	Nâng cấp hệ thống Cấp điện & chiếu sáng
10	Nâng cấp hệ thống cấp nước
11	Nâng cấp hệ thống thoát nước

Nguồn vốn: Vốn vay IBRD của WB; vốn viện trợ không hoàn lại của IDH và WWF (theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

8. Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết

Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa kèm theo Quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ và thuyết minh và bản vẽ quy hoạch theo nội dung phê duyệt và báo cáo thẩm định đảm bảo theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi Sở Xây dựng kiểm tra trước khi đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý thực hiện.

- Phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn trong công tác tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12 Điều 29 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) quản lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo việc đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch chi tiết với khu vực xung quanh.

2. UBND thị xã Nghi Sơn có trách nhiệm: Tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

3. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa đăng tải nội dung phê duyệt quy hoạch trên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam (<http://quyhoach.xaydung.gov.vn>), chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

4. Các ngành, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H13.(2024)QDPD_QHCT Cang ca L Bang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm